

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-BẮC NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 205/2026/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 7 - 2026

V/v: "Tranh chấp thay đổi người trực tiếp
nuôi con sau khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thanh;

2. Ông Đồng Văn Diện.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh tham gia phiên
tòa:* Bà Hà Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2026/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2026, về việc “Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 145A/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn S, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn G, xã T, tỉnh Bắc Ninh (có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2026, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị kết hôn với anh Phạm văn S vào năm 2009, đến năm 2017 do vợ chồng mâu thuẫn, chị và anh S đã ly hôn nhau. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 226/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Bắc Ninh) đã quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn S.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi con chung là Phạm Hải A, sinh ngày 02/6/2010; Giao anh Phạm văn S trực tiếp nuôi con chung là Phạm Kim A1, sinh ngày 29/01/2016.

Về cấp dưỡng nuôi con: Giữa chị D và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình nuôi các con chung thì đến năm 2023 thì thấy anh S thường xuyên đi làm ăn xa, không có nhà để trực tiếp nuôi cháu Kim A1 nên phần nào đã ảnh hưởng đến việc phát triển và học tập của cháu Kim A1. Đến hè năm 2023, chị đón cháu Kim A1 về nhà chị chơi hè nhưng sau khi chị bảo cháu Kim A1 về nhà ở cùng bố (S) để tiếp tục đi học thì cháu Kim A1 không muốn về nhà ở cùng bố nữa, cháu muốn ở với mẹ và anh của cháu.

Hiện nay cháu Kim A1 do chị trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Kim A1 đang đi học ở trường tiểu học C, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Cháu Kim A1 khỏe mạnh, phát triển bình thường, học lực của cháu giỏi. Để cuộc sống của cháu Kim A1 không bị xáo trộn ảnh hưởng, chị yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Bắc Ninh giải quyết: Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, cháu Kim A1 từ anh Phạm Văn S sang chị trực tiếp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị yêu cầu anh Phạm Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Kim A1 cho cháu Kim A1 hàng tháng với mức là 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Kim A1 đủ 18 tuổi.

Về án phí: Chị D nhận chịu cả tiền án phí dân sự sơ thẩm, còn án phí cấp dưỡng nuôi con chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn anh Phạm Văn S trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn với nhau năm 2009, đến năm 2017 do mâu thuẫn vợ chồng nên vợ chồng anh đã ly hôn. Theo quyết định ly hôn của Tòa án thì anh được nuôi cháu Phạm Kim A1, sinh ngày 29/01/2016; chị D được nuôi cháu Phạm Hải A, sinh ngày 02/6/2010. Sau khi ly hôn thì anh vẫn nuôi cháu Kim A1 phát triển và học tập bình thường. Do công việc của anh phải đi làm ăn ở xa nhưng anh vẫn thường xuyên quan tâm, chăm sóc, giáo dục cháu Kim A1. Anh luôn tạo điều kiện cho cháu Kim A1 được học tập, phát triển tốt nhất. Những khi anh phải đi làm ăn xa thì ở nhà bố mẹ anh là người chăm sóc và đưa đón cháu Kim A1 đi học.

Đến hè năm 2023 khi đó cháu Kim A1 đang nghỉ hè thì chị D đã tự ý về nhà chị đón cháu Kim A1 về nhà chị. Sau đó chị D đã tự ý chuyển trường học cho cháu Kim A1 về trường học nhà chị D. Việc đưa cháu Kim A1 và chuyển trường học, hộ khẩu cho cháu Kim A1 thì chị D hoàn toàn không thông báo, trao đổi gì với anh và gia đình. Việc này anh đã báo cáo đến công an địa phương. Sau đó vì lo ảnh hưởng đến việc sinh hoạt và học tập của cháu Kim A1 nên không có ý kiến gì về việc chị D tự ý đón cháu Kim A1 về nhà chị và tự ý chuyển trường học cho cháu Kim A1. Hiện nay cháu Kim A1 vẫn đang ở cùng với chị D và anh của cháu.

Nay chị D yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn từ anh sang cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng thì anh không đồng ý. Anh yêu cầu chị D đưa cháu Kim A1 về lại gia đình anh để chị tiếp tục nuôi dưỡng cháu. Chị D có trách nhiệm hoàn thiện thủ tục, hồ sơ để chuyển cháu Kim A1 về

học tập tại địa phương nơi cháu **Kim A1** có hộ khẩu và để anh được tiếp tục thực hiện quyền nuôi con theo quyết định của Tòa án và anh không yêu cầu chị **D** phải cấp dưỡng nuôi cháu **Kim A1**.

Trường hợp anh đồng ý cho chị **D** được nuôi cháu **Kim A1** với điều kiện là anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu **Kim A1** là 2.000.000đ/tháng theo yêu cầu của chị **D**.

Hiện nay anh đang làm kỹ sư của **Tập đoàn V** với mức lương trung bình là 50.000.000đ/tháng. Cụ thể tôi làm cho **Công ty cổ phần P** của **tập đoàn V**. Nơi làm việc của anh là hiện nay đang ở tỉnh Tây Ninh. Vị trí làm việc trong công ty của anh là quản lý phát triển lực lượng thi công cho công ty.

Với mức lương hiện tại của anh thì anh không phải là không cấp dưỡng mà chị **D** nuôi con thì chị **D** phải tự lo cho con. Mặc dù hai con đang ở với chị **D** thì anh và ông bà nội vẫn chăm lo cho các cháu. Anh và bố mẹ anh vẫn gửi tiền và xe đạp cho cháu **Kim A1** đi học. Còn cháu lớn là **Phạm Chí A2** thì anh đã mua xe đạp điện cho cháu đi học. Sau này anh cho các con như thế nào là việc của anh. Chị **D** nuôi cháu **Kim A1** thì chị **D** phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nuôi cháu **Kim A1**.

*Tại phiên tòa anh **Phạm Văn S** có đơn xét xử vắng mặt.*

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng.

Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị D**.

Về con chung: Giao cho chị **Nguyễn Thị D** trực tiếp nuôi con là **Phạm Kim A1**, sinh ngày 29/01/2016.

Sau khi ly hôn, anh **Phạm Văn S** được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh **S** thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Phạm Văn S** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu **Phạm Kim A1**, sinh ngày 29/01/2016 hàng tháng là 2.000.000đ/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về án phí: Buộc chị **Nguyễn Thị D** phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ. Buộc bị đơn anh **S** chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn xử lý về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh **Phạm Văn S** có nơi cư trú tại **xã T, tỉnh Bắc Ninh**. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Bắc Ninh là đúng qui định.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Chị **Nguyễn Thị D** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” với anh **Phạm Văn S** nên căn cứ vào khoản 3 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là: “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn anh **Phạm Văn S**: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **S**, tuy nhiên anh **S** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị D**:

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 226/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Bắc Ninh) đã quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị D** và anh **Phạm Văn S**

Về con chung: Giao cho chị **Nguyễn Thị D** trực tiếp nuôi con chung là **Phạm Hải A**, sinh ngày 02/6/2010; Giao anh **Phạm Văn S** trực tiếp nuôi con chung là **Phạm Kim A1**, sinh ngày 29/01/2016.

Về cấp dưỡng nuôi con: Giữa chị **D** và anh **S** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, cháu **Kim A1** ở cùng anh **S** và con khỏe mạnh phát triển bình thường. Mặc dù chị **D** và anh **S** đã ly hôn nhưng hai bên đều có nghĩa vụ chăm sóc con. Bản thân chị **D** và anh **S** đều có công việc công việc và thu nhập ổn định. Xét về điều kiện của chị **Nguyễn Thị D** và anh **Phạm Văn S** đều đủ điều kiện để nuôi con, tuy nhiên cả chị **D** và anh **S** đều thừa nhận cháu **Kim A1** ở cùng chị **D** từ hè năm 2023 cho đến nay, cháu **Phạm Kim A1** đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng, mong muốn được ở cùng mẹ, bản thân cháu **Kim A1** là con gái nên việc giao con cho chị **D** trực tiếp nuôi đảm bảo quyền lợi cho con về mọi mặt. Bản thân chị **Nguyễn Thị D** là có công việc và chỗ ở ổn định, hiện tại chị **D** chưa kết hôn với ai và chị **D** đã có nhà, đất riêng. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc yêu cầu thay đổi

người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị Nguyễn Thị D là phù hợp với quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình là có căn cứ chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu anh Phạm Văn S cấp dưỡng nuôi con cho cháu Phạm Kim A1 hàng tháng là 2.000.000/ tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Phía bị đơn anh S không đồng ý. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn thừa nhận có công việc và thu nhập ổn định với mức lương, hiện nay anh S đang làm kỹ sư của Tập đoàn V với mức lương trung bình là 50.000.000đ/tháng; nơi làm việc của tôi là hiện nay đang ở tỉnh Tây Ninh. Do vậy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị D là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình là có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Về án phí: Căn cứ khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Buộc bị đơn anh S phải 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D:

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi con là Phạm Kim A1, sinh ngày 29/01/2016.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Văn S được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản

2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Buộc chị **Nguyễn Thị D** phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ chị **D** đã nộp theo biên lai thu số **0002779 ngày 02/4/2026** tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 - Bắc Ninh.

Buộc bị đơn anh **Phạm Văn S** phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4-Bắc Ninh;
- Phòng THSDA khu vực 4-Bắc Ninh;
- UBND xã Trường Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hs vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Thị Hương Giang

